

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ C
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2020

“V/V Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C- TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Mạnh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Kim Chinh

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Bắc

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý- Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C- Tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Viện- Chức vụ: Kiểm sát viên.

*-Ngày 29/6/2020 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã C đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2019/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2020/QĐXX-HNGĐ ngày 17/4/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2020 giữa:*

-Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Huyền A** sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu D, phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh- Có mặt.

-Bị đơn: Anh **Phạm Quốc B** sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu D, phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh-Vắng mặt. (Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Thị Huyền A trình bày:

Chị A và anh Phạm Quốc B tìm hiểu tự nguyện và tự nguyện kết hôn vào năm 2013 hai người có đăng ký kết hôn lại tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống sau khi kết hôn không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống . Trầm trọng nhất vào khoảng năm 2017 hai vợ chồng đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Do đó, chị A thấy không còn tình cảm với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

-Về con chung: Chị A xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 01 (Một) con chung là Phạm Trang L, sinh ngày 04/3/2014. Quan điểm của chị A khi vợ chồng ly hôn chị nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Trang L đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Vì cháu L là con gái cần có sự chăm sóc của mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển của cháu sau này.

-Về tài sản chung: Chị A xác nhận chị và anh B tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Phạm Quốc B trình bày:** Anh B thừa nhận toàn bộ quá trình tìm hiểu và kết hôn như chị A trình bày là đúng. Sau khi kết hôn về chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Hai người đã ly thân nhau từ tháng 9/2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tại chị A có đơn xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí.

-Về con chung: Anh B xác nhận trong quá trình chung sống hai người sinh được 01 (Một) con chung là Phạm Trang L, sinh ngày 04/3/2014. Quan điểm của anh B khi vợ chồng ly hôn anh cũng muốn trực tiếp nhận nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung: Anh B xác nhận anh và chị A tự thỏa thuận giải quyết nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Tại biên bản bản xác minh hồi 08 giờ ngày 18/3/2020 ông Đàm Chí M- Khu trưởng khu D, phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh cho biết như sau: Chi Phạm Thị Huyền A và anh Phạm Quốc B kết hôn vào năm 2013, hiện đang sinh sống tại khu D, phường C. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi cọ nhau, chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không có kết quả.

-Về con chung: Các đương sự có một con chung là Phạm Trang L, sinh ngày 04/03/2014. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và người trực tiếp nuôi con chung cho phù hợp với tình hình thực tế và đúng quy định của pháp luật.

-Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

-Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C có quan điểm: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì vụ án được thụ lý, giải quyết đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc triệu tập người tham gia tố tụng đảm bảo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo và có căn cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ thủ tục đúng quy định của

pháp luật. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Huyền A. Xử cho chị Phạm Thị Huyền A được ly hôn anh Phạm Quốc B. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Trang L, sinh ngày 04/03/2014 cho chị Phạm Thị Huyền A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về Tố Tụng: Ngày 17/12/2019, người khởi kiện là chị Phạm Thị Huyền A nộp đơn tại Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Ngày 19/12/2019 Tòa án tiến hành thụ lý vụ án bảo đảm đúng quy định tại Điều 195 và 197 của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về thẩm quyền: Căn cứ vào đơn khởi kiện và yêu cầu của người khởi kiện ngày 15/12/2019, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là **“Tranh chấp hôn nhân gia đình”** thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại Điều 28; Điều 35 -Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm: Chị Phạm Thị Huyền A và anh Phạm Quốc B tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2013 hai người có đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống sau khi kết hôn không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, mặc dù mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhưng không có kết quả. Trầm trọng nhất từ tháng 9/2017 hai người đã ly thân nhau không ai quan tâm tới ai nữa. Do đó, các đương sự đều nhất trí việc ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Phạm Thị Huyền A và anh Phạm Quốc B có 01 con chung là Phạm Trang L, sinh ngày 04/3/2014. Quan điểm của hai đương sự đều muốn trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

-Xét nguyện vọng của các đương sự đều chính đáng phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên vì con chung còn nhỏ, lại là con gái nên cần sự chăm sóc của mẹ để có thể đủ khả năng phát triển về tâm sinh lý về sau này. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Phạm Trang L cho chị Phạm Thị Huyền A là có căn cứ phù hợp với Điều 81,82 và 83- Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự đều xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

[5]**Về án phí:** Án phí ly hôn chị Phạm Thị Huyền A phải nộp theo quy định của pháp luật.

-Về các lễ trên:

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Điều 56; Điều 81,82 và 83- Luật Hôn nhân gia đình.

-Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227- Bộ luật tố tụng dân sự.

-Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1.Về tình cảm: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Huyền.

Xử: Chị Phạm Thị Huyền A được ly hôn anh Phạm Quốc B.

2. Về con chung:

Xử: Giao con chung là Phạm Trang L, sinh ngày 04/3/2014 cho chị Phạm Thị Huyền A trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Quốc B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3.Về án phí: Chị Phạm Thị Huyền A phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình. Nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001627 ngày 19/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã C. Chị A đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKS thị xã C.
- T.H.A DS
- Các đ- ơng sự.
- UBND phường C.
- L- u hồ sơ; VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Mạnh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Bắc Đỗ Thị Kim Chinh

Nguyễn Chí Mạnh